

THỰC THI CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT CHO VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ NGHÈO - NHÌN TỪ THỰC TIỄN TỈNH ĐẮK LẮK

Trần Quốc Hùng

Trưởng phòng Khoa học TTTL

Đắk Lắk nằm ở trung tâm của khu vực Tây Nguyên, có đường biên giới dài khoảng 73km giáp với Vương quốc Campuchia, phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai; phía Nam giáp tỉnh Đắk Nông và Lâm Đồng; phía Đông giáp tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa; có 15 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm thành phố Buôn Ma Thuột (trung tâm tỉnh lỵ), thị xã Buôn Hồ và 13 huyện; có 184 xã, phường, thị trấn (152 xã, 20 phường, 12 thị trấn); 2.470 thôn, buôn, tổ dân phố, trong đó có 608 buôn đồng bào DTTS tại chỗ. Toàn tỉnh có 45 xã và 141 buôn, thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016.

Tổng diện tích đất tự nhiên 13.125,37 km². Dân số 1.827.786 người (năm 2013), mật độ dân số 137 người/km², trong đó dân số đô thị 427.148 người chiếm 24,4%, nông thôn 1.322.952 người chiếm 75,6%, đến nay tỉnh có 47 dân tộc anh em, trong đó dân tộc Kinh có khoảng 1,163 triệu người chiếm 64,7%, dân tộc thiểu số khoảng 637 nghìn người, chiếm 35,3% dân số tỉnh, nằm phân bố rải rác ở 184/184 xã, phường, thị trấn của tỉnh; trong thành phần dân tộc thiểu số, dân tộc thiểu số tại chỗ (gồm: Ê Đê, M'Nông...) có số dân khoảng 389.710 người, chiếm 62,7% trong tổng số đồng bào dân tộc thiểu số, dân tộc thiểu số khác (gồm Mông, Tày, Nùng...) 18.083 hộ - 99.263 khẩu.

Tỷ lệ hộ nghèo theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2015 trên địa bàn tỉnh theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 – 2020 (Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk): tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tới gần 62% tổng số hộ nghèo của cả tỉnh (Toàn tỉnh, số hộ nghèo có 81.592 hộ, trong đó: hộ nghèo là dân tộc Kinh có 31.270 hộ, chiếm 38,32%; hộ nghèo là DTTS có 50.322 hộ, chiếm 61,68%); số hộ cận nghèo là 34.884 hộ, chiếm tỷ lệ 8,28%, trong đó hộ cận nghèo dân tộc Kinh là 20.113 hộ, DTTS tại chỗ là 9.061 hộ và DTTS khác là 5.710 hộ. Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số tại chỗ cao nhất là Lắk – 6.343 hộ, Krông Pắc – 3.631 hộ, M'Drăk – 2.639 hộ, Buôn Đôn – 2.477 hộ, Krông Bông – 2.283 hộ...

Trong những năm qua, hệ thống chính sách dân tộc (CSDT) được triển khai trên địa bàn tỉnh, đặc biệt ở vùng đồng bào DTTS nghèo là khá đồng bộ, hoàn chỉnh trên tất cả các mặt, các lĩnh vực của đời sống, cụ thể như: chính sách đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; bố trí, sắp xếp ổn định đời sống dân di cư tự do; chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư; chính sách hỗ trợ trực tiếp; chính sách giải quyết đất sản xuất, đất ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn... Trong đó, chính sách giải quyết đất sản xuất, đất ở cho vùng đồng bào DTTS được xác định là chính sách quan trọng, làm nền tảng cho việc thực hiện các CSDT khác.

Chính sách giải quyết đất ở, đất sản xuất cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã được triển khai một cách đồng bộ trên địa bàn tỉnh qua nhiều giai đoạn, cụ thể từ Quyết định 132/QĐ-TTg ngày 08-10-2002 về việc giải quyết đất sản xuất và đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên; Quyết định 134/QĐ-TTg ngày 20-7-2004 về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn (gọi tắt là chương trình 132, 134); tiếp tục chương trình trên ngày 20/5/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 755/QĐ-TTg phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn. Ngay khi có Quyết định này, Đảng bộ và chính quyền địa phương tỉnh Đắk Lắk đã nhanh chóng triển khai bằng việc ban hành hệ thống các văn bản cụ thể: Quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh, Phê duyệt Đề án thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã thôn, buôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 9349/UBND-VHXXH ngày 25/12/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh, về việc thực hiện Quyết định 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 643/UBND-VHXXH ngày 24/01/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh, về việc Quy định định mức bình quân chung đất sản xuất thực hiện Quyết định 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 1439/UBND-VHXXH ngày 07/3/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh, về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt;

Trong thời gian thực hiện Chương trình này từ năm 2013 cho đến nay, vấn đề hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho vùng đồng bào DTTS nghèo đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận:

Về hỗ trợ đất ở: Tổng số hộ có nhu cầu giải quyết: 4.979 hộ; diện tích: 291 ha; kinh phí: 81.873,3 triệu đồng (Ngân sách địa phương). Về hỗ trợ đất sản xuất: tổng số hộ có nhu cầu giải quyết: 15.896 hộ không có và thiếu đất sản xuất; tổng kinh phí cần sử dụng: 403.184 triệu đồng, trong đó: nhu cầu hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất: 9.142 hộ, diện tích 6.072 ha; kinh phí: 274.260 triệu đồng (Vốn vay Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH): 137.130 triệu đồng). Tuy nhiên, do không có quỹ đất để hỗ trợ phải chuyển sang giải pháp khác: Học nghề: 879 lao động/879 hộ; kinh phí hỗ trợ: 3.504 triệu đồng; Nhu cầu chuyển đổi nghề, mua sắm nông cụ, máy móc: 5.578 hộ; kinh phí: 117.294 triệu đồng (Vốn vay NHCSXH: 83.640 triệu đồng, vốn Huyện: 45 triệu đồng); Nhu cầu xuất khẩu lao động: 214 hộ (214 lao động), kinh phí: 7.628 triệu đồng (Vốn vay NHCSXH: 5.982 triệu đồng); Nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng: 83 hộ, kinh phí hỗ trợ: 498 triệu đồng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện việc hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho các hộ đồng bào DTTS còn gặp nhiều khó khăn: do quỹ đất sản xuất để thực hiện nội dung hỗ trợ cấp đất sản xuất không còn; việc mua, bán sang nhượng giữa các hộ dân không thực hiện được do định mức hỗ trợ thấp (15 triệu đồng/hộ, không tính phần vốn vay của NHCSXH – 15 triệu đồng/hộ); thời gian thực hiện ngắn (đến 31/12/2015). Nên một số địa phương trong tỉnh đã đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh cho chuyển sang nội dung hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho các hộ gia đình. Hơn thế nữa, nguồn vốn để thực hiện quá ít: ngân sách Trung ương hỗ trợ cho tỉnh: 60.000 triệu đồng/358.604 triệu đồng, đạt 16,7% kế hoạch vốn Trung ương hỗ trợ; nguồn vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội đã bố trí: 52.000 triệu đồng/220.770 triệu đồng, đạt 23,5% kế hoạch vốn vay của Chương trình. Ngân sách tỉnh gặp nhiều khó khăn nên chưa cân đối, bố trí vốn để thực hiện. Quá trình rà soát, xác định quỹ đất của một số địa phương chưa chặt chẽ, thiếu chính xác, còn mang tính chủ quan. Do không còn quỹ đất, nên trong quá trình triển khai thực hiện việc hỗ trợ đất sản xuất cho các đối tượng thụ hưởng của một số địa phương không thực hiện được; định mức hỗ trợ thấp (15 triệu đồng/hộ), tính cả phần vốn vay của ngân hàng chính sách (15 triệu đồng/hộ) thì tổng số vốn là 30 triệu đồng/hộ, với số vốn này là còn thấp so với mặt bằng giá cả

thực tế trên thị trường. Vì vậy, giải pháp mua bán, sang nhượng giữa các hộ dân cũng không thực hiện được. Một số địa phương còn quỹ đất nhưng khi tiến hành thực hiện chương trình, đất đã bị các hộ dân xâm chiếm, canh tác trái phép trên lâm phần do các Công ty lâm nghiệp quản lý; hoặc đất đã được các Công ty lâm nghiệp liên doanh, liên kết với các đơn vị bên ngoài để trồng cao su không có hiệu quả, đất bỏ hoang; Thủ tục thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện. Đặc biệt, nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền cơ sở đối với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước có lúc, có nơi còn chưa đầy đủ. Quá trình triển khai thực hiện ở các huyện, xã còn lúng túng ban đầu, vướng mắc chậm được tháo gỡ; một số huyện, xã chưa thực hiện tốt công tác vận động tuyên truyền cho người dân, dẫn đến tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào các chính sách của Nhà nước của một số bộ phận người dân; Công tác tuyên truyền vận động giúp đỡ trong cộng đồng còn nhiều hạn chế; Công tác khảo sát và điều tra để xây dựng đề án ban đầu một số huyện còn làm chưa chính xác, một số địa phương tổng hợp số liệu không đúng đối tượng, các hạng mục hỗ trợ không theo đề án xây dựng ban đầu, gây khó khăn cho công tác phân bổ và điều chỉnh kế hoạch hàng năm.

Xuất phát từ thực trạng trên, nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết đất ở, đất sản xuất cho vùng đồng bào DTTS nghèo của tỉnh trong thời gian tới, chính quyền địa phương tỉnh Đắk Lắk cần tập trung một số giải pháp sau:

- Một là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chính sách pháp luật về đất đai, định canh định cư. Đây là giải pháp có ý nghĩa lâu dài, giúp cho người dân hiểu và thực hiện đúng các quy định của pháp luật đất đai hiện hành, sử dụng đất đai đúng mục đích, tránh tình trạng lấn chiếm, hủy hoại đất đai, du canh du cư, đời sống nhân dân bấp bênh vì thiếu đất ở, đất sản xuất.

- Hai là, tổ chức thực thi chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất gắn với việc thực hiện các chính sách dân tộc khác. Chính sách giải quyết đất ở, đất sản xuất là một trong những chính sách dân tộc làm nền tảng cho việc thực hiện các chính sách dân tộc khác, tuy nhiên chính sách trên muốn thực hiện có hiệu quả và bền vững cần phải gắn với việc thực hiện các chính sách dân tộc khác, đặc biệt: chính sách định canh, định cư; chính sách giải quyết việc làm; chính sách hỗ trợ vay vốn sản xuất; chính sách đào tạo nghề.

- Ba là, tổ chức làm tốt công tác quy hoạch dân cư, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở, đất nông nghiệp. Trên cơ sở đó chính quyền địa phương chủ động tạo

nguồn quỹ đất phục vụ giải quyết đất ở, đất sản xuất. Những nơi không còn quỹ đất phải chủ động chuyển sang phương án hỗ trợ vốn chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm...

- Bốn là, kiên quyết xử lý thu hồi đất của các nông, lâm trường, các doanh nghiệp sử dụng đất chưa hiệu quả, sai mục đích. Đây là giải pháp còn gặp nhiều khó khăn trong thực tế triển khai; tuy nhiên để chính quyền địa phương cũng cần xây dựng phương án, kế hoạch cụ thể trong việc kiên quyết thu hồi đất của các đơn vị này nhằm tạo thêm nguồn quỹ đất để giải quyết cho nhân dân, tránh tình trạng người dân, đặc biệt là đồng bào DTTS nghèo thì thiếu đất ở, đất sản xuất trong khi các nông lâm trường để đất dôi dư, lãng phí, bị hủy hoại.